

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 07/4/2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

2. Ông Nguyễn Chí Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Dương Hào P - Sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: Đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh V, (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L - Luật sư, thuộc Hội luật gia tỉnh V, (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T - Sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2020, ông Dương Hào P và bà Đỗ Thị Thanh T có tiền đến hôn nhân. Hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 18/8/2020.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm nên ông bà hay cãi vã và ông P hiện tại đang chấp hành án từ ngày 08/01/2025 về tội “Giết người”.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, ông P yêu cầu được ly hôn với bà T. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Dương Tuệ N - Sinh ngày: 28/8/2021 và Dương Tuệ M - Sinh ngày: 20/9/2022.

Sau khi ly hôn ông P đồng ý việc bà T nuôi 02 con. Do đang chấp hành án nên ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nhưng có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến với nội dung:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Dương Hào P.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung là Dương Tuệ N - Sinh ngày: 28/8/2021 và Dương Tuệ M - Sinh ngày: 20/9/2022.

Bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.850.000đồng/tháng/người cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Ông bà có tài sản chung nhưng chưa thỏa thuận được.

Về nợ: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt nhưng có gửi cho Tòa án “*Bản luận cứ*” với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **P** đối với bà **T**.

Về con chung: Giao con chung là **Dương Tuệ N** - Sinh ngày: 28/8/2021 và **Dương Tuệ M** - Sinh ngày: 20/9/2022 cho bà **T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông **P** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.850.000đồng/người/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Ông bà không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ: Ông bà khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông **P** phải nộp 600.000đồng tiền án phí về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Việc kết hôn giữa ông Dương Hào P và bà Đỗ Thị Thanh T là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã U, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 18/8/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc vài năm thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn. Ông P phạm tội, chấp hành án và yêu cầu ly hôn với bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt nhưng có văn bản thể hiện việc bà cũng đồng ý ly hôn với ông P. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ghi nhận việc ông bà thống nhất việc bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là Dương Tuệ N - Sinh ngày: 28/8/2021 và Dương Tuệ M - Sinh ngày: 20/9/2022.

Đối với việc bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, việc bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng mà bà T yêu cầu là 1.850.000đồng/người/tháng là phù hợp quy định nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản*: Ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bà T cho rằng có tài sản chung nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

[5] *Về nợ*: Ông P, bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Dương Hào P được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Tuệ N - Sinh ngày: 28/8/2021 và Dương Tuệ M - Sinh ngày: 20/9/2022 cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với bà T.

Buộc ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.850.000đồng/người/tháng (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng một người một tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2026) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà T cho rằng có tài sản chung nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có yêu cầu sẽ được giải quyết về tài sản trong vụ kiện khác.

4. Về nợ: Ông P, bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tổng cộng là 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0012207 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Nguyên đơn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Tú